



Mã số/ Code: DV142510301/04

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



## I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ PHẠM ĐÌNH
- Địa chỉ/ Address : 50 Nguyễn Thái Sơn, Phường Hạnh Thông, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Tên mẫu thử/ Name of Sample : Kẹo Dừa
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu thành phẩm, đựng trong bao bì kín; khối lượng: 500g/túi; số lượng: 01 túi
- Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 03/12/2025
- Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Lưu mẫu 15 ngày sau thử nghiệm
- Ngày thử nghiệm/ Date of test : 03/12/2025-17/12/2025
- Ngày trả kết quả/ Date of issue : 17/12/2025



## II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Năng lượng	Kcal/100g	473,33	VNT.H.03.Fo.277
2	Carbohydrate hiệu dụng	g/100g	50,84	VNT.H.03.Fo.187
3	Protein	g/100g	3,12	TCVN 10034:2013
4	Béo tổng *	g/100g	28,61	TCVN 4072:2009
5	Đường tổng (Fructose, Glucose, Sucrose/ Saccharose, Maltose, Lactose) – Phương pháp sắc ký lỏng	g/100g	34,27	VNT.H.03.Fo.53
6	Natri (Na)	mg/100g	75,05	TCVN 10916:2015
7	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH (LOD = 0,3)	VNT.H.03.Fo.78 (2025) (Ref: AOAC 994.08)
8	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	KPH (LOD = 0,3)	VNT.H.03.Fo.78 (2025) (Ref: AOAC 994.08)

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV142510301/04

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
9	Ochratoxin A (OTA) *	µg/kg	KPH (LOD = 0,5)	VNT.H.03.Fo.79 (2021)
10	Cadimi (Cd)	mg/kg	< LOQ = 0,03	TCVN 10912:2015
11	Chì (Pb)	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 10912:2015
12	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	1,4x10 <sup>3</sup>	TCVN 4884-1:2015
13	Tổng số nấm men - nấm mốc *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-2:2010
14	Coliforms *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 6848:2007
15	<i>E. coli</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008
16	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	KPH (LOD = 10)	AOAC 975.55
17	<i>Clostridium perfringens</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4991:2005
18	<i>Bacillus cereus</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4992:2005

**Ghi chú/ Note:**

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp



THS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.